

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (MINH HỌA)

MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

T T	Kĩ năn g	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổn g % điể m
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ Thơ/ Văn nghị luận.	3	0	4	1	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết được một văn bản nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	20	20	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương g/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thô ng hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Độc hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được hệ thống nhân vật, kết cấu, các thủ pháp nghệ thuật... Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/ hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, hiệu quả nghệ thuật của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu câu và biện pháp tu từ; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng:	3 TN	4TN 1TL	2 TL	0
---	-----------------	-------------	---	------	------------	------	---

			- Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.				
--	--	--	---	--	--	--	--

		Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Hiểu được nội dung chính của văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ... Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
--	--	-----	--	--	--	--	--

		Văn nghị luận Nhận biết: - Nhận biết được hệ thống luận điểm, luận cứ, dẫn chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận, các biện pháp tu từ... - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận một tác phẩm văn học. Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và dẫn chứng. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích tạo lập văn bản. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; tác dụng của các biện pháp tu từ; công dụng của dấu câu; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.				
--	--	---	--	--	--	--

			- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản.				
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện/ thơ.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				3 TN	4TN 1TL	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

- **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

Môn: Ngữ văn – Lớp 10

Năm học: 2022 -2023

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

NỮ OA TẠO RA LOÀI NGƯỜI

Khi ấy, trời đất mới sinh, đã có cây cỏ, muôn thú mà chưa có loài người. Thế giới giống như một bức tranh buồn tẻ. Đi giữa thế giới hoang sơ, buồn tẻ ấy là vị đại thiên thần, chính là Nữ Oa. Lúc ấy, bà cảm thấy buồn chán, cô độc bèn nghĩ rằng cần phải tạo ra một cái gì đó cho thế giới này thêm vui tươi, giàu sức sống. Bà nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đến bên đầm nước, lấy bùn đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dáng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn, đáng yêu.

Lạ thay, vừa đặt xuống mặt đất, đồ vật xinh xắn ấy bỗng dựng có sức sống, cất tiếng nói trong trẻo, nhảy múa, vui đùa. Đồ vật xinh xắn ấy gọi là “Người”. “Người” được bàn tay nữ thần tạo ra, không giống các loài muông thú bởi được mô phỏng từ hình dáng của vị nữ thần. Nữ Oa vô cùng thích thú, hài lòng về sản phẩm do mình vừa tạo ra, bèn tiếp tục dùng đất bùn màu vàng hòa nhuyễn với nước nhào nặn ra rất nhiều người, trai có, gái có. Nhìn những con người vui đùa, cười nói xung quanh mình, Nữ Oa cảm thấy vui vẻ hẳn lên, không còn cô độc, buồn bã nữa.

Nhưng mặt đất hoang sơ vô cùng rộng lớn, bà làm việc không ngừng nghỉ trong một thời gian rất lâu mà mặt đất vẫn trống trải. Bà cứ miệt mài làm việc, làm tới lúc mỗi mệt lắm rồi mà mặt đất vẫn trống trải quá. Bà bèn nghĩ ra một cách, lấy một sợi dây, nhúng vào trong nước bùn, vung lên khắp phía. Người thì bảo bà dùng một sợi dây thừng, nhưng hồi đó làm gì có dây thừng, có lẽ bà đã dùng một sợi dây lấy từ một loài cây dây leo. Khi bà vung sợi dây dính đầy thứ bùn từ đất vàng đó lên, các giọt bùn đất màu vàng bắn đi khắp nơi, rơi xuống đất liền biến thành người, cười nói, chạy nhảy. Thế là mặt đất trở nên đông đúc bao nhiêu là người.

*(Trích “Nữ Oa” (Thần thoại Trung Quốc),
Dương Tuấn Anh (sưu tầm, tuyển chọn) NXB Giáo dục Việt Nam, 2009).*

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Xác định thể loại của văn bản trên:

- A. Cổ tích
- B. Truyền thuyết
- C. Thần thoại
- D. Sử thi

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Biểu cảm

Câu 3: Theo đoạn trích, nhân vật Nữ Oa xuất hiện trong bối cảnh (thời gian, không gian) như thế nào?

- A. Trời đất mới sinh, đã có loài người nhưng chưa có cỏ cây muông thú.
- B. Trời đất mới sinh, đã có cỏ cây muông thú, mà chưa có loài người.
- C. Trời đất mới sinh, chỉ có Nữ Oa cùng một số vị thần như thần Lửa, thần Nước.
- D. Trời đất mới sinh, có cỏ cây muông thú và các vị thần Lửa, thần Nước.

Câu 4: Phương án nào sau đây đúng và đủ các sự kiện chính trong đoạn trích Nữ Oa?

- A. Nữ Oa tạo ra loài người.
- B. Nữ Oa bênh vực loài người, Nữ Oa trừng phạt thần Lửa và thần Nước.
- C. Nữ Oa yêu thương con người, Nữ Oa tạo ra loài người.
- D. Nữ Oa luyện đá vá trời, giúp đỡ loài người.

Câu 5: Đoạn trích Nữ Oa thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Biết ơn người có công với cộng đồng.
- B. Tôn vinh người anh hùng.
- C. Thương xót con người bé nhỏ.
- D. Biết ơn thần linh và con người.

Câu 6: Dòng nào dưới đây không đúng với truyện Nữ Oa?

- A. Mang yếu tố hoang đường kỳ ảo
- B. Kết thúc truyện có hậu
- C. Nhân vật có khả năng phi thường
- D. Truyện được kể theo lời nhân vật

Câu 7: Nhân vật Nữ Oa hội tụ những vẻ đẹp gì?

- A. Vẻ đẹp sức mạnh và cảm xúc
- B. Vẻ đẹp thể chất và ước mơ
- C. Vẻ đẹp trí tuệ và tình cảm
- D. Vẻ đẹp sức mạnh và trí tuệ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8: Về phương diện thể loại, đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích nào đã học, và hãy chỉ những điểm giống nhau đó?

Câu 9: “Niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn” là một trong những vẻ đẹp của thần thoại. Theo anh/chị, niềm tin ấy còn có sức hấp dẫn với con người hiện đại không?

Câu 10: Anh chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

VIẾT (4 điểm)

Đọc bài thơ:

CHÂN QUÊ (Nguyễn Bính)

*Hôm qua em đi tỉnh về,
Đợi em ở mãi con đê đầu làng.
Khăn nhung, quần lĩnh rộn ràng.
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

*Nói ra sợ mất lòng em,
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.
Như hôm em đi lễ chùa,
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.
Hoa chanh nở giữa vườn chanh,
Thầy u mình với chúng mình chân quê.
Hôm qua em đi tỉnh về,
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

(Nguyễn Bính Hồng Cầu, *Nguyễn Bính toàn tập* (tập 1), NXB Hội Nhà văn, 2017)

Thực hiện yêu cầu:

Tình cảm đối với quê hương của chàng trai được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận.

-----**HẾT**-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5

	7	D	0,5
	8	Đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích “Thần Trụ Trời” đã học. Điểm giống nhau: đều nói về nhân vật chính là vị thần tạo ra con người, vạn vật, chi tiết hoang đường kì ảo. Hướng dẫn chấm: – Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm – Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm – Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.	0,5
	9	– Niềm tin ấy vẫn còn sức hấp dẫn đối với con người hiện đại, thể hiện qua các tín ngưỡng của nhân dân ta vẫn còn lưu giữ đến ngày nay như lễ hội, thờ cúng, bói toán,... Có thể nói, người Việt ta vẫn có một niềm tin vô hình vào những vị thần chế ngự thiên nhiên, đặc biệt đối với những gia đình làm nông nghiệp. – Tin vào sự tồn tại ở thế giới khác không phải là điều xấu, nếu điều đó làm cho bản thân chúng ta tốt hơn. Chỉ những kẻ dựa vào đó để trục lợi, lợi dụng niềm tin của người khác mới đáng lên án. Hướng dẫn chấm: – Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm – Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm – Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm – Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.	1,0
	10	Thông điệp tích cực thông qua văn bản: – Các vị thần linh đã có công tạo ra vũ trụ, con người, giúp con người vượt qua mọi thiên tai bằng tất cả tình yêu thương và tâm trí của mình. Chính vì vậy, mọi người hãy biết ơn, bảo vệ, giữ gìn để nó xứng đáng với công lao của các vị thần linh. Hướng dẫn chấm: -Học sinh trả lời tương đương với một ý đã gợi trong đáp án: 1,0 điểm – Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm – Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0

		*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.	
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tình cảm của chàng trai đối với quê hương qua bài thơ <i>Chân quê</i> của Nguyễn Bính. Hướng dẫn chấm: – Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. – Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	2,0
		– Muốn gìn giữ vẻ đẹp truyền thống tốt đẹp của quê hương – Lo âu, băn khoăn, day dứt, dự cảm về những thay đổi nhanh chóng của những giá trị mang bản sắc văn hóa dân tộc. -. Hướng dẫn chấm: – Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm. – Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,75 điểm – 1,0 điểm. – Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.	1,5
		– Đánh giá chung: + Thể thơ lục bát, ngôn ngữ, hình ảnh đậm tính dân tộc. + Tình cảm chân thành, thiết tha, giàu suy tư... Hướng dẫn chấm: – Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. – Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5